

TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM



PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN

TỔ CHỨC TƯ VẤN



**CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI
THƯƠNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: Tầng 17, tòa nhà Vietcombank, 198 Trần Quang Khải, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3936 6426

Fax: (84-4) 3936 0262

Hà Nội, tháng 02/2014

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	6
CÁC TỪ VIẾT TẮT	7
PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	8
I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA	8
1. Thông tin chung	8
2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh	8
3. Lịch sử hình thành và phát triển	8
4. Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty	9
4.1 Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty	9
4.2 Nhân sự	10
II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA	11
1. Năng lực sản xuất của Công ty	11
2. Tình hình sản xuất kinh doanh	12
3. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa	13
3.1 Bảng cân đối kế toán	13
3.2 Cơ cấu nguồn vốn	14
3.3 Các chỉ tiêu tài chính	14
4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo	15
4.1 Nhân tố chủ quan	15
4.2 Nhân tố khách quan	15
III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA	16
1. Thực trạng về tài sản	16
2. Thực trạng về đất đai sử dụng	17
3. Thực trạng về tài chính, công nợ	17
4. Trình độ công nghệ	18
5. Các loại hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	18
IV. THỊ TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH	19
1. Tổng quan về ngành nghề	19
1.1 Thị trường chung trong nước	19
1.2 Các quy định về ngành	20
2. Thị phần - cạnh tranh	20

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA	22
I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA.....	22
1. Mục tiêu cổ phần hóa	22
2. Yêu cầu cổ phần hóa	22
3. Hình thức cổ phần hóa.....	22
II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA	22
1. Thông tin công ty cổ phần	22
2. Hình thức pháp lý.....	23
3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa	23
4. Cơ cấu tổ chức.....	23
5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa	29
6. Vốn điều lệ công ty cổ phần.....	31
7. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động	32
III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG.....	34
1. Kế hoạch sắp xếp lao động.....	34
2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư	35
3. Kế hoạch đào tạo lại	35
4. Chính sách đối với người lao động.....	35
IV. GIÁ KHỞI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ CƠ QUAN BÁN CỔ PHẦN	36
1. Quy mô chào bán và nhà đầu tư mục tiêu	36
2. Phương pháp chào bán	36
3. Xác định giá khởi điểm	36
4. Lộ trình thực hiện.....	36
5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần.....	37
5.1. Chi phí cổ phần hóa dự kiến.....	37
5.2. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần.....	37
V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA.....	38
1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược	38
2. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa	38
3. Phương án sử dụng đất	42
4. Biện pháp thực hiện.....	43
4.1 Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm.....	43

4.2	Nhóm giải pháp marketing	43
4.3	Nhóm giải pháp về đầu tư	44
4.4	Nhóm giải pháp về vốn, tài chính.....	45
4.5	Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực.....	46
4.6	Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp.....	47
PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG		48
PHẦN IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN.....		49
PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT.....		50
PHẦN VI: NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA		51
1.	Khó khăn của đợt chào bán	51
2.	Khó khăn do cơ chế, chính sách chuyển đổi doanh nghiệp	51
PHẦN VII: RỦI RO DỰ KIẾN		52
1.	Rủi ro về kinh tế	52
2.	Rủi ro pháp lý.....	52
3.	Rủi ro đặc thù của ngành.....	52
4.	Rủi ro khác	52
PHẦN VIII: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN		53

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa	10
Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Lâm sản.....	28
Bảng 1: Lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/10/2013 ...	10
Bảng 2: Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2011, 2012, 9 tháng 2013	12
Bảng 3: Cơ cấu chi phí	13
Bảng 4: Bảng cân đối kế toán.....	13
Bảng 5: Cơ cấu nguồn vốn	14
Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính	14
Bảng 7: Thực trạng tài sản doanh nghiệp	16
Bảng 8: Thực trạng đất đai sử dụng.....	17
Bảng 9: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty ngày 01/10/2013	17
Bảng 10: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	18
Bảng 11: Giá trị thực tế của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013	29
Bảng 12: Quy mô vốn điều lệ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản	31
Bảng 13: Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông	32
Bảng 14: Số lượng cổ phần chào bán cho người lao động	33
Bảng 15: Lộ trình thực hiện việc chào bán cho người lao động	34
Bảng 16: Lộ trình thực hiện việc chào bán cổ phần ra công chúng.....	36
Bảng 17: Chi phí cổ phần hóa	37
Bảng 18: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần.....	38
Bảng 19: Dự kiến kết quả kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa	41
Bảng 20: Các khu đất hiện nay công ty đang quản lý và sử dụng.....	43
Bảng 21: Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị (giai đoạn 1).....	44
Bảng 22: Kế hoạch đầu tư sản xuất viên năng lượng (giai đoạn 2).....	45
Bảng 23: Nhu cầu vốn lưu động 3 năm 2014-2016	46
Bảng 24: Lộ trình tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa.....	50

LỜI MỞ ĐẦU

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản là doanh nghiệp 100% vốn nhà nước trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam, hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh nguyên liệu giấy, kinh doanh dịch vụ vận tải, bốc xếp hàng hoá và sửa chữa phương tiện vận tải.

Trong những năm gần đây, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do trình độ công nghệ, năng suất lao động còn thấp, sức cạnh tranh hạn chế, quản trị Công ty chưa theo kịp những thay đổi của điều kiện và môi trường kinh doanh, theo đó Công ty chưa đạt được kết quả như kỳ vọng.

Đứng trước cơ hội và thách thức của nền kinh tế thị trường, các doanh nghiệp đều cần phải tự đổi mới và được đổi mới để có thể thích nghi và đứng vững trong môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt. Do vậy chủ trương cổ phần hóa các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước là một chủ trương đúng, được mong đợi sẽ mang lại nhiều lợi ích cho nền kinh tế nói chung như huy động được nguồn vốn từ các thành phần kinh tế, tạo nên sự đa sở hữu trong các doanh nghiệp sau khi cổ phần, giúp tạo nên một sức sống mới cho các doanh nghiệp cổ phần, nâng cao năng lực cạnh tranh, và hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, phát huy tối đa năng lực và trí tuệ của ban lãnh đạo, người lao động.

Việc tiến hành cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản nằm trong chủ trương và lộ trình cổ phần hóa của Tổng công ty Giấy Việt Nam, nhằm huy động vốn và trí tuệ từ các nhà đầu tư, đội ngũ lao động của doanh nghiệp, với định hướng mở rộng phạm vi kinh doanh, tái cấu trúc hoạt động của doanh nghiệp, nhằm tăng doanh thu, lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp được nhiều hơn cho sự đi lên của nền kinh tế và đất nước.

CÁC TỪ VIẾT TẮT

BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CTCP	Công ty cổ phần
Đvt	Đơn vị tính
Ha	Hecta
HĐQT	Hội đồng quản trị
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
NLG	Nguyên liệu giấy
NN & PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
TM	Thương mại
TS	Tài sản
TSCĐ	Tài sản cố định
UBND	Ủy ban nhân dân
Vận tải và Chế biến lâm sản, Công ty, Doanh nghiệp	Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
WTO	World Trade Organisation - Tổ chức thương mại thế giới
XĐGTDN	Xác định giá trị doanh nghiệp

PHẦN I: TÌNH HÌNH CHUNG CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

I. THÔNG TIN CƠ BẢN CỦA DOANH NGHIỆP TRƯỚC CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin chung

- Tên doanh nghiệp: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
- Tên viết tắt:
- Trụ sở chính: Phố Phú Hà - Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 0210 3713941
- Fax: 0210 3713964
- Email: chebienlamsan.08@gmail.com
- Mã số thuế: 2600357502-003
- Người đại diện: Ông Trịnh Quốc Long - Giám đốc Công ty
Bà Đỗ Thị Bích Lan - Kế toán trưởng

2. Ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh theo giấy phép đăng ký kinh doanh

- Trồng rừng và chăm sóc rừng. Chi tiết: Trồng cây nguyên liệu giấy;
- Thu mua nguyên liệu giấy;
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm về giấy;
- Chế biến gỗ, sản xuất ván dăm ép, dăm mảnh, xén kẻ giấy;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, vật tư) đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải);
- Kinh doanh xăng, dầu;
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy (phương tiện thiết bị vận tải);
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm vật tư xây dựng (thiết bị vệ sinh, xi măng, sắt thép, các loại gạch, cát...);
- Cho thuê văn phòng.

3. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 1088/QĐ-HĐQT của Hội đồng quản trị (nay là Hội đồng thành viên) Tổng công ty Giấy Việt Nam ngày 27/6/2005 trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị: Xí nghiệp Vận tải và Xí nghiệp Vận tải và Chế biến Lâm sản thuộc Công ty Giấy Bãi Bằng. Trụ sở Văn phòng của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản khi mới thành lập đóng tại Khu 10 Xã Phù Ninh - Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.

Ngày 05 tháng 4 năm 2007 Tổng công ty Giấy Việt Nam có Quyết định số 209/QĐ-GVN.HN V/v thành lập xí nghiệp Vận tải là đơn vị hạch toán báo sổ thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam trên cơ sở tách bộ phận Vận tải ra khỏi Công ty Vận tải & Chế biến Lâm sản kể từ ngày 01/4/2007.

Ngày 30 tháng 01 năm 2008 Tổng công ty Giấy Việt Nam có Quyết định số 201/QĐ-GVN.PT V/v chuyển trụ sở làm việc của Công ty từ Khu 10 Xã Phù Ninh - Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ đến địa điểm mới: Cầu Trắng - Phố Long Xuyên - Phường Hùng Vương - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ.

Đến ngày 12/11/2010 Tổng công ty Giấy Việt Nam có Quyết định số 972/QĐ-GVN.PT V/v chuyển trụ sở làm việc của Công ty từ Cầu Trắng - Phố Long Xuyên - Phường Hùng Vương - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ đến địa điểm mới Phố Phú Hà - Phường Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ.

Từ đó đến nay Công ty đã tương đối ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh, luôn hoàn thành nghĩa vụ thuế đối với nhà nước và đảm bảo quyền lợi cho người lao động.

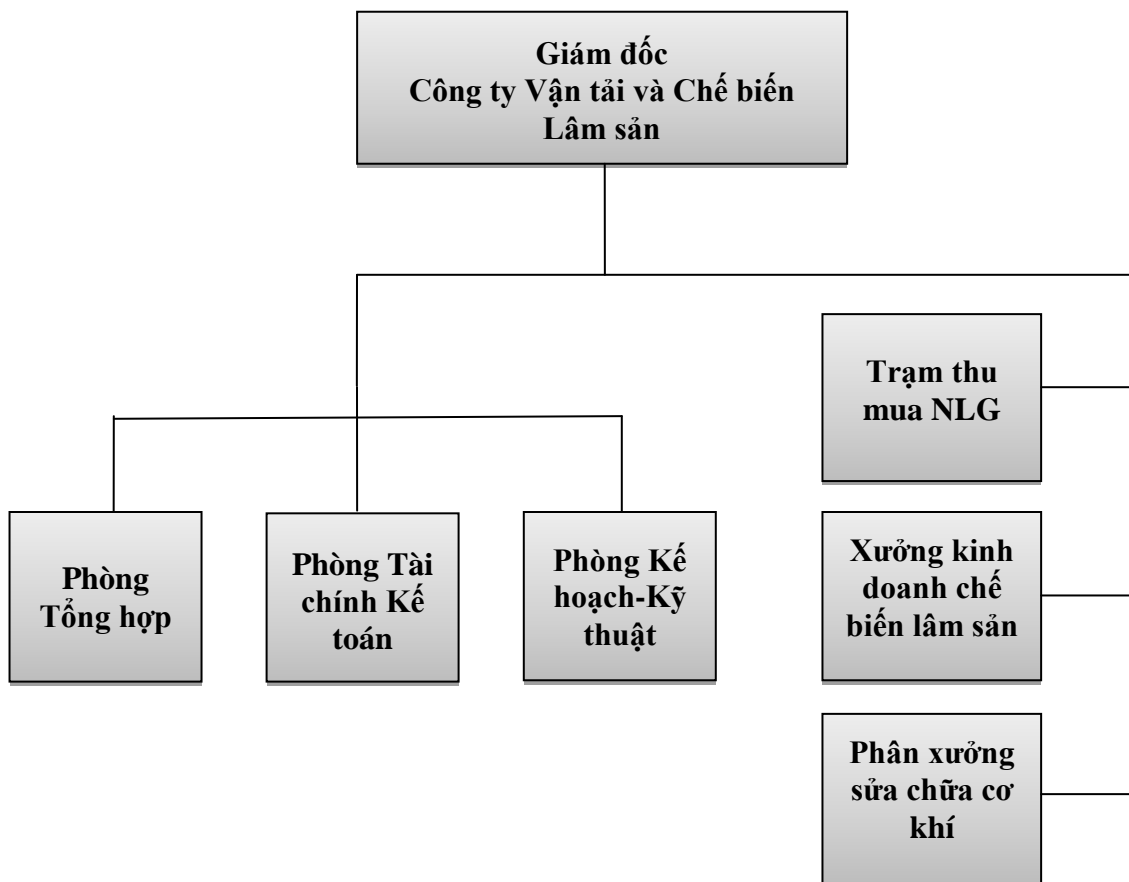
4. Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty

4.1 Cơ cấu tổ chức quản lý và bộ máy của Công ty

- Ban Giám đốc: 01 người
- Kế toán trưởng: 01 người
- Các phòng ban tham mưu giúp việc gồm:
 - o Phòng Tổng hợp: có chức năng tham mưu, giúp việc cho Giám đốc về các mặt tổ chức, hành chính, pháp lý, lao động, tiền lương, bảo vệ;
 - o Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật: Tham mưu cho Giám đốc trong các lĩnh vực: Xây dựng và triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác kỹ thuật, an toàn lao động, mua sắm vật tư phụ tùng, marketing nhằm khai thác có hiệu quả các loại phương tiện vận tải, bốc dỡ và kinh doanh vận chuyển, thu mua, chế biến lâm sản theo nhu cầu của thị trường;
 - o Phòng Tài chính Kế toán có chức năng (i) tham mưu cho lãnh đạo công ty những nội dung về quản lý kinh tế tài chính, công tác kế toán thống kê trong Công ty, (ii) chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động về tài chính, kế toán, thống kê trong Công ty theo nội dung phân cấp của Tổng công ty Giấy Việt Nam và chế độ quản lý tài chính kế toán nhà nước, (iii) quản lý về nghiệp vụ nhân viên kế toán thống kê toàn Công ty và (iv) chịu sự chỉ đạo về nghiệp vụ kế toán trưởng cấp trên.
- Các đơn vị trực thuộc gồm các đơn vị:
 - o Trạm thu mua nguyên liệu giấy tại xã Tiên Du - Phù Ninh - Phú Thọ;
 - o Xưởng kinh doanh chế biến lâm sản & giấy tại Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ;

- Phân xưởng sửa chữa cơ khí tại khu 10 xã Phù Ninh - Phù Ninh - Phú Thọ.

Sơ đồ 1: Sơ đồ tổ chức bộ máy của Công ty tại thời điểm cổ phần hóa



4.2 Nhân sự

Bảng 1: Lao động của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp ngày 01/10/2013

TT	Nội dung	Số lượng	Đvt
	Tổng số lao động của Công ty:	52	người
	Trong đó:		
I	Phân theo trình độ:		
	Trình độ Đại học và trên Đại học	11	người
	Trình độ cao đẳng, trung học	09	người
	Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông	18	người
	Lao động kèm cặp đào tạo nghề tại Công ty	14	người
II	Phân theo hợp đồng lao động		

	Hợp đồng lao động không xác định thời hạn	46	người
	Hợp đồng lao động thời hạn từ 1-3 năm	0	người
	Hợp đồng lao động thời hạn dưới 1 năm	6	người
	Không ký hợp đồng lao động	0	người
III	<i>Phân theo giới tính</i>		
	Nam	36	người
	Nữ	16	người

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

II. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 3 NĂM TRƯỚC KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Năng lực sản xuất của Công ty

Xuất thân là đơn vị chuyên phục vụ các công ty lâm nghiệp thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam trong lĩnh vực khai thác vận chuyển nguyên liệu giấy (NLG), Công ty gặp nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh khi điều kiện thị trường thay đổi. Cụ thể, nhu cầu vận tải sụt giảm khi các công ty lâm nghiệp giao khoán việc khai thác vận chuyển cho CBCNV và đối tác khác. Trong khi đó, bản thân Công ty thiếu năng lực thiết bị do phương tiện vận tải chỉ có ba đầu xe, thường xuyên trong tình trạng hỏng hóc, theo đó khả năng cạnh tranh tương đối thấp. Để duy trì hoạt động của doanh nghiệp, ban lãnh đạo đã thực hiện một số thay đổi, như chuyển hướng sang lĩnh vực gia công giấy cho Tổng công ty, thuê mặt bằng sản xuất chế biến dăm gỗ, trong khi tiếp tục duy trì các hoạt động vận chuyển NLG cho Tổng công ty, tuy nhiên những mảng hoạt động này chưa có tính bền vững.

Lĩnh vực kinh doanh khả quan nhất hiện nay của Công ty là hoạt động sản xuất và chế biến dăm gỗ, nhưng hiện tại đơn vị vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong thị trường này vì một số lý do như sau. Thứ nhất, cạnh tranh trên thị trường NLG ngày càng gay gắt do có nhiều doanh nghiệp tư nhân sản xuất gỗ bóc và dăm mảnh, đơn vị lại không có vùng nguyên liệu, theo đó khâu thu mua nguyên liệu cũng bị ảnh hưởng. Thứ hai, chi phí vận tải đường bộ giá thành cao, chi phí sản xuất tiếp tục gia tăng như giá xăng dầu, điện, tiền lương tối thiểu, đặc biệt tiền thuê đất tăng cao so với trước đây (2011 trở về trước) khiến Công ty có kết quả kinh doanh lỗ trong năm 2012 và 9 tháng 2013.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh

Bảng 2: Kết quả sản xuất kinh doanh trong năm 2011, 2012, 9 tháng 2013

Đvt: đồng

TT	Tên dịch vụ	Năm 2011		Năm 2012		9 tháng 2013	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
1	Cung cấp dịch vụ	6.465.159.479	42,42%	6.172.952.479	41,95%	4.958.391.367	21,92%
2	Bán lâm sản	6.461.873.730	42,40%	6.965.206.240	47,33%	16.116.269.540	71,24%
3	Bán giấy	1.692.524.360	11,11%	1.348.818.576	9,17%	987.172.265	4,36%
4	Bán vớ	619.503.224	4,07%	229.140.985	1,56%	561.405.542	2,48%
	Tổng cộng	15.239.060.793	100%	14.716.118.280	100%	22.623.238.714	100%

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Cung cấp dịch vụ và bán lâm sản là hai hoạt động cốt lõi đem lại doanh thu chính cho Công ty, với tỷ trọng xấp xỉ như nhau trong năm 2011 và 2012. Sang 9 tháng 2013, hoạt động bán lâm sản tăng mạnh, chiếm gần 2/3 tổng doanh thu, trong khi kinh doanh dịch vụ bị thu hẹp. Cụ thể:

- *Hoạt động kinh doanh vận tải:* Dịch vụ khai thác, vận chuyển NLG cho các công ty lâm nghiệp suy giảm so với trước đây do năng lực phương tiện của đơn vị yếu;
- *Hoạt động sửa chữa cơ khí:* Công ty có một xưởng sửa chữa cơ khí nhỏ ở Phù Ninh nhưng rất hạn chế trong khả năng tìm việc và khả năng cạnh tranh với thị trường.

Hoạt động sản xuất và kinh doanh giấy vớ chiếm phần nhỏ trong cơ cấu doanh thu và có xu hướng giảm dần qua các năm. Trước đây, Công ty nhận gia công vớ cho Tổng công ty Giấy Việt Nam; tuy nhiên, từ năm 2012 đơn vị phải tự sản xuất và tiêu thụ giấy vớ. Theo đó, trong năm 2012 Công ty chỉ sản xuất được 30 tấn vớ và hoạt động này tiếp tục bị thu hẹp trong năm 2013.

Về chi phí, giá vốn hàng bán có tỷ trọng lớn nhất và tăng mạnh qua các năm, xấp xỉ 95% - 96% doanh thu, theo đó tỷ suất biên gộp của Công ty chỉ dao động quanh mức 4% - 5%. Công ty có đối tác mua hàng hầu hết là các đơn vị thuộc Tổng công ty, do đó tiết kiệm được khoản chi phí bán hàng. Chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm khoảng 13% tổng doanh thu trong năm 2012 và giảm còn 6,4% trong 9 tháng 2013. Do sự gia tăng mạnh từ chi phí, nên trong năm 2012 và 9 tháng 2013 hoạt động kinh doanh của Công ty ghi nhận lỗ.

Bảng 3: Cơ cấu chi phí

TT	Cơ cấu chi phí	2011	2012	9 tháng 2013
1	Giá vốn hàng bán/Doanh thu	90,43%	96,07%	95,00%
2	Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,55%	3,93%	4,96%
3	Chi phí bán hàng/Doanh thu	0,00%	0,00%	0,00%
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp/Doanh thu	10,66%	13,33%	6,39%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu	0,05%	-6,47%	-0,58%

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

3. Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty 3 năm trước cổ phần hóa

3.1 Bảng cân đối kế toán

Bảng 4: Bảng cân đối kế toán

Dvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	9 tháng 2013
I	Tài sản ngắn hạn	7.887.641.373	7.325.022.261	7.119.556.125	7.268.319.368
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	947.869.449	4.164.840.774	3.930.583.166	3.769.182.353
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	6.392.412.093	2.790.156.167	2.153.729.377	2.669.847.326
4	Hàng tồn kho	502.957.993	275.526.820	959.730.302	252.696.919
5	Tài sản ngắn hạn khác	44.401.838	94.498.500	75.513.280	546.592.770
II	Tài sản dài hạn	7.094.667.386	8.306.347.803	7.801.208.691	9.480.916.394
1	Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
2	Tài sản cố định	7.088.465.575	8.306.347.803	7.801.208.691	9.461.181.068
3	Bất động sản đầu tư	0	0	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0

5	Tài sản dài hạn khác	6.201.811	0	0	19.735.326
	Tổng cộng tài sản	14.982.308.759	15.631.370.064	14.920.764.816	16.749.235.762

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

3.2 Cơ cấu nguồn vốn

Bảng 5: Cơ cấu nguồn vốn

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	9 tháng 2013
I	Nợ phải trả	1.572.328.938	1.081.906.566	818.831.299	1.938.914.462
1	Nợ ngắn hạn	1.420.068.028	957.236.566	818.831.299	1.914.369.007
2	Nợ dài hạn	152.260.910	124.670.000	0	24.545.455
II	Vốn chủ sở hữu	13.409.979.821	14.549.463.498	14.101.933.517	14.810.321.300
1	Vốn chủ sở hữu	13.409.979.821	14.549.463.498	14.101.933.517	14.810.321.300
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0
	Tổng cộng nguồn vốn	14.982.308.759	15.631.370.064	14.920.764.816	16.749.235.762

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

3.3 Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 6: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu tài chính	2011	2012	9 tháng 2013
Khả năng thanh khoản			
Thanh toán hiện hành	7,65	8,69	3,77
Thanh toán nhanh	7,36	7,52	3,64
Thanh toán tiền mặt	4,35	0,75	1,97
Khả năng sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận gộp	9,55%	3,93%	4,96%
Tỷ suất lợi nhuận hoạt động kinh doanh	0,05%	-6,47%	-0,58%
Lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	0,05%	-2,99%	-0,49%

Lợi nhuận ròng/Tổng tài sản (ROA)	0,05%	-2,95%	-
Lợi nhuận ròng/Vốn chủ sở hữu (ROE)	0,06%	-3,12%	-
Hệ số nợ			
Vốn chủ sở hữu /Tổng nguồn vốn	93,1%	94,5%	88,4%

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Công ty duy trì được khả năng thanh toán tốt, nhờ lượng tiền mặt lớn và không vay nợ ngân hàng. Khả năng sinh lời của Công ty rất hạn chế, năm 2012 và 9 tháng năm 2013 biên gộp và tỷ suất lợi nhuận hoạt động kinh doanh đều giảm do giá vốn hàng bán và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng. Các chỉ số tỷ suất lợi nhuận ròng/vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) từ năm 2012 ghi nhận âm.

4. Các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

4.1 Nhân tố chủ quan

- Doanh nghiệp chưa tự chủ trong hoạt động kinh doanh khi điều kiện thị trường thay đổi, vẫn phụ thuộc vào sự hỗ trợ của Tổng công ty về công việc.
- Quy mô vốn của Công ty nhỏ, tài sản ít giá trị, do đó khả năng tiếp cận nguồn vốn ngân hàng gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư.
- Công ty chưa xác định được hướng đi đúng đắn trong dài hạn; các mảng sản xuất kinh doanh vẫn mang tính nhỏ lẻ, dàn trải, kéo theo đó nguồn lực cũng bị sử dụng phân tán và chưa hiệu quả.
- Lao động không tập trung tại một địa bàn, mà rải rác ở nhiều địa phương lân cận, khiến việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh và tiết giảm chi phí quản lý của Công ty gặp nhiều khó khăn.

4.2 Nhân tố khách quan

- Ngành nghề sản xuất giấy vớ và vận tải gặp nhiều khó khăn do sự cạnh tranh ngày càng gay gắt trên thị trường, do đó hoạt động này suy giảm mạnh trong các năm 2011, năm 2012, và 9 tháng năm 2013.
- Tốc độ tăng mạnh về số lượng của các doanh nghiệp sản xuất dăm gỗ và sự không tự chủ về vùng nguyên liệu khiến mảng sản xuất và chế biến dăm gỗ của Công ty giảm sút về biên lợi nhuận.
- Sự hỗ trợ của Tổng công ty có xu hướng giảm, đặt ra yêu cầu Công ty phải tự chủ nhiều hơn.

III. THỰC TRẠNG DOANH NGHIỆP TẠI THỜI ĐIỂM CỔ PHẦN HÓA

1. Thực trạng về tài sản

Tình hình tài sản cố định của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản theo số liệu sổ sách kế toán tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (ngày 01/10/2013) thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 7: Thực trạng tài sản doanh nghiệp

Đvt: đồng

Loại Tài sản	Nguyên giá theo sổ sách	Giá trị theo sổ sách tại 01/10/2013		Giá trị thực tế theo kết quả XĐGTDN 01/10/2013	
		Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại	Nguyên giá xác định lại	Giá trị còn lại
A. TSCĐ đang dùng	12.730.161.468	5.307.807.111	7.422.354.357	17.227.351.178	9.461.181.068
1. TSCĐ hữu hình	12.730.161.468	5.307.807.111	7.422.354.357	17.227.351.178	9.461.181.068
- Nhà cửa, vật kiến trúc	5.774.915.987	652.482.684	5.122.433.303	8.280.603.618	6.452.202.624
- Máy móc thiết bị	573.714.975	570.286.941	3.428.034	573.714.975	131.197.541
- Phương tiện vận tải	4.727.135.745	3.791.896.063	935.239.682	6.718.637.824	1.516.527.565
- TS cố định khác	1.654.394.761	293.141.423	1.361.253.338	1.654.394.761	1.361.253.338
2. TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
- Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0	0	0
B. TSCĐ chờ thanh lý	0	0	0	0	0
1. TSCĐ hữu hình	0	0	0	0	0
- Máy móc thiết bị	0	0	0	0	0
- Phương tiện vận tải	0	0	0	0	0
- TS cố định khác	0	0	0	0	0

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

2. Thực trạng về đất đai sử dụng

Diện tích các khu đất Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản hiện đang quản lý, sử dụng như sau:

Bảng 8: Thực trạng đất đai sử dụng

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích đang sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Phố Phú Hà, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	10.113	Trụ sở làm việc xưởng sản xuất	Thuê đất thời hạn 30 năm từ 01/01/1996, trả tiền hàng năm
2	Phố Long Xuyên, Phường Hùng Vương, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	3.101	Xưởng sản xuất + cửa hàng	Thuê đất thời hạn 30 năm từ 01/01/1996, trả tiền hàng năm
3	Xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	500	Trạm thu mua nguyên liệu	Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

3. Thực trạng về tài chính, công nợ

Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản theo số liệu sổ kế toán tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013 như sau:

Bảng 9: Thực trạng về tài chính, công nợ của Công ty ngày 01/10/2013

Đvt: đồng

TT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Vốn chủ sở hữu	14.810.321.300
	<i>Trong đó:</i>	
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	13.079.297.222
	- Quỹ đầu tư phát triển	-
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	199.825.966
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	2.082.026.200
	- Lợi nhuận chưa phân phối	(550.828.088)
2	Quỹ phúc lợi, khen thưởng	8.694.018
3	Các khoản phải thu	2.699.847.326

	- Phải thu ngắn hạn	2.699.847.326
	- Phải thu dài hạn	0
4	Nợ phải trả	1.938.914.462
	- Nợ ngắn hạn	1.914.369.007
	- Nợ dài hạn	24.545.455

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

4. Trình độ công nghệ

Các lĩnh vực hoạt động của Công ty không đòi hỏi nhiều chất xám, theo đó lao động phần lớn là công nhân có trình độ thấp, hoạt động trong xưởng cơ khí, cơ sở sản xuất dăm mảnh, và chuyên bốc xếp hàng hóa.

5. Các loại hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 10: Các hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

TT	Tên hợp đồng	Giá trị (triệu đồng)	Sản phẩm - Dịch vụ	Đối tác trong hợp đồng	Thời gian thực hiện hợp đồng
1	Số LS/KNE08-2010	Hợp đồng nguyên tắc	Thuê văn phòng	Công ty Keangnam Enterprises,Ltd. - thầu chính gói thầu A4 dự án đường cao tốc Nội Bài - Lào cai	40 tháng kể từ 20/8/2010
2	Số 407-HĐGVN-XNVT.PT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng kinh tế về bốc xếp hàng hoá	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Từ 25/6/2013-25/6/2014
3	Số 11/HD.DVBDHH-A	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng về bốc xếp hàng hoá	Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật tổng hợp CVP	Từ 25/6/2013 - 25/6/2014
4	Số 10/HĐ.DVBDHH-A	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng về bốc xếp hàng hoá	Doanh nghiệp tư nhân Việt Anh	Từ 25/6/2013 - 25/6/2014
5	Số 29/2013/HĐKT-GHVT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng vận chuyển	Công ty cổ phần giấy Hoàng Văn	Từ 01/1/2013 -

				thụ	31/12/2013
6	Số 277/HĐ-GVN-XNBD.PT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng cung cấp phụ tùng, vật tư thiết bị cho sửa chữa xe	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Từ 29/3/2013 - 31/12/2013
7	Số 16/HĐ-MBDG-2013	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng mua bán dăm gỗ	Công ty cổ phần TM Lương Sơn	Từ 25/3/2013 - 31/12/2013
8	Số 17/HĐ /CPC	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng mua bán dăm gỗ	Công ty Chế biến và Xuất nhập khẩu dăm mảnh	Từ 22/3/2013 - 31/12/2013
9	Số 07A/HĐKT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng cung cấp phụ tùng, vật tư thiết bị cho sửa chữa xe	Cửa hàng cơ khí Huy Bình	Từ 01/4/2013 - 31/12/2013
10	Số 12B/HĐKT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng mua bán dăm gỗ	Nguyễn Ngọc Thạch	Từ 01/8/2013 đến khi thanh lý hợp đồng
11	Số 46/HĐ-GVN-TT.PT	Hợp đồng nguyên tắc	Hợp đồng phân phối sản phẩm	Tổng công ty Giấy Việt Nam	Từ 04/1/2013 - 31/12/2013

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

IV. THỊ TRƯỜNG VÀ PHÂN TÍCH

1. Tổng quan về ngành nghề

1.1 Thị trường chung trong nước

Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020 đặt mục tiêu về thiết lập, quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững 16,24 triệu ha đất quy hoạch cho lâm nghiệp, nâng tỷ lệ đất có rừng lên 47% vào năm 2020.

Phú Thọ có đến 55,3% diện tích là đất lâm nghiệp, trong đó 144.710 ha là đất rừng sản xuất. Quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 gồm 60.000 ha nguyên liệu gỗ nhỏ, nguyên liệu giấy và 51.413 ha rừng tự nhiên và nguyên liệu khác.

Các nhà máy sản xuất dăm gỗ lớn trong địa bàn tỉnh Phú Thọ thuộc Công ty Giấy Bãi Bằng (trực thuộc Vinapaco), công ty MIKO. Các nhà máy này đang gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm nguyên liệu do năng suất thiết kế tăng quá nhanh so với quy hoạch nguồn rừng sản xuất của tỉnh. Rất ít doanh nghiệp có vùng nguyên liệu, chủ yếu thu mua rừng của nông dân trồng. Nguồn nguyên liệu không có đủ khả năng cung cấp cả về ngắn hạn lẫn dài hạn, do đó các nhà máy tại Phú Thọ ngoài thu mua gỗ tại địa phương còn thu mua gỗ từ các tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Hà Giang, Lào Cai, Sơn La. Nhìn dài hạn, ngành dăm gỗ không có triển vọng bền vững.

Trong khi tài nguyên gỗ ngày càng trở nên thiếu hụt so với nhu cầu, thực trạng khai thác và chế biến gỗ của Việt Nam vẫn đang ở mức hạn chế. Trong khai thác, tỷ lệ lợi dụng gỗ chỉ đạt mức 30-35% thể tích thân cây. Phần lớn các khối gốc, rễ, cành, ngọn lá, cây sâu bệnh được bỏ lại trong rừng, theo đó, một lượng lớn phế liệu gỗ chưa được sử dụng hợp lý trong việc sản xuất dăm gỗ, gây lãng phí lớn về tài nguyên gỗ. Bên cạnh đó, trình độ kỹ thuật, công nghệ khai thác chế biến gỗ của Việt Nam còn lạc hậu, theo phương pháp thủ công, các cơ sở chế biến nhỏ lẻ, manh mún, mức độ cơ giới hóa, tự động hóa chưa cao. Ngoài ra, quá trình vận chuyển, lưu bãi chưa tốt cũng làm gỗ phế liệu bị thất thoát do suy giảm chất lượng vì nấm mốc, côn trùng phá hoại.

1.2 Các quy định về ngành

Việc trồng cây nguyên liệu giấy, kinh doanh cung cấp dịch vụ và mua bán gỗ nguyên liệu được thực hiện theo các quy định sau:

- Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 18/2007/QĐ-TTg, ngày 05/02/2007;
- Quy chế quản lý rừng, hướng dẫn thực hiện khai thác, tận thu gỗ và lâm sản ngoài gỗ, ban hành kèm theo Thông tư số 35/2011/QĐ-BNNPTNT, ngày 20/5/2011 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT;
- Quy trình trồng rừng thâm canh và khai thác rừng trồng NLG, ban hành theo Quyết định số 1517/QĐ-HĐQT của Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Giấy Việt Nam, ngày 06/11/2002;
- Quy định Kiểm tra việc vận chuyển, sản xuất, kinh doanh gỗ và lâm sản, ban hành theo Quyết định số 47/1999/QĐ-BNN-KL ngày 12/03/1999 của Bộ trưởng Bộ NN&PTNT;
- Các quy định chế độ chính sách về đầu tư lâm sinh, về tiền lương, về định mức kinh tế kỹ thuật lâm nghiệp của nhà nước.

2. Thị phần - cạnh tranh

Khả năng cạnh tranh của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản được đánh giá như sau:

<p><u>Điểm mạnh</u></p> <p>Có lợi thế là địa bàn hoạt động gần khu nguyên liệu giấy, theo đó có thể tiết giảm chi phí; Có sự hỗ trợ từ Tổng công ty.</p>	<p><u>Điểm yếu</u></p> <p>Công ty chưa linh hoạt trong kinh doanh, chưa xác định được ngành nghề kinh doanh lãi; Lao động chủ yếu có trình độ thấp, khó có khả năng thích ứng với lĩnh vực kinh doanh mới; Trình độ công nghệ chưa phát triển.</p>
<p><u>Cơ hội</u></p> <p>Chính sách ưu tiên phát triển lâm nghiệp của Nhà nước sẽ giúp gia tăng diện tích rừng trồng của Việt Nam, ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào cho Công ty; Cổ phần hóa là cơ hội để doanh nghiệp có thể được bổ sung thêm nguồn lực từ bên ngoài, tái cấu trúc lại hoạt động kinh doanh.</p>	<p><u>Thách thức</u></p> <p>Công ty cần phải định hướng lại ngành nghề sản xuất kinh doanh cho phù hợp và hiệu quả; Cổ phần hóa công ty đồng nghĩa với việc doanh nghiệp sẽ không nhận được nhiều hỗ trợ từ Tổng công ty.</p>

PHẦN II: PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU VÀ HÌNH THỨC CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu cổ phần hóa

Thực hiện mục tiêu của Chính phủ được ghi rõ trong Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản gồm:

- Chuyển Công ty từ hình thức nhà nước thành doanh nghiệp đa sở hữu, trong đó có một bộ phận là cán bộ công nhân viên và người lao động đã từng gắn bó với Công ty, tạo ra động lực mới, xây dựng cơ chế quản lý mới năng động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tạo thế mạnh cho Công ty phát triển;
- Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên, người lao động trong Công ty và các nhà đầu tư ngoài Công ty để đầu tư phát triển đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và năng suất lao động, cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng và mở rộng phạm vi hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp;
- Phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, nâng cao trách nhiệm, năng lực và trình độ của người lãnh đạo, người lao động và các cổ đông, tăng cường sự giám sát của các nhà đầu tư đối với doanh nghiệp. Đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động trong doanh nghiệp;
- Thực hiện công khai, minh bạch theo nguyên tắc thị trường; khắc phục tình trạng cổ phần hóa khép kín trong nội bộ doanh nghiệp; gắn với phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán.

2. Yêu cầu cổ phần hóa

- Đảm bảo sự phát triển ổn định của Công ty sau cổ phần hóa;
- Đảm bảo an toàn, không gây ra biến động lớn trong hoạt động kinh doanh;
- Đảm bảo hài hòa lợi ích Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động;
- Thực hiện công khai minh bạch theo nguyên tắc thị trường.

3. Hình thức cổ phần hóa

Căn cứ đặc điểm và tình hình thực tế doanh nghiệp chọn hình thức cổ phần hóa **“Bán toàn bộ phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”** theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

II. DOANH NGHIỆP SAU KHI CỔ PHẦN HÓA

1. Thông tin công ty cổ phần

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN**
- Tên tiếng Anh: **Forest Products Processing, Transport, Trade Joint Stock Company**

- Tên viết tắt:
- Trụ sở: Phố Phú Hà - Phong Châu - Thị xã Phú Thọ - Tỉnh Phú Thọ
- Điện thoại: 0210 3713941
- Fax: 0210 3713964

2. Hình thức pháp lý

Sau khi cổ phần hóa, Công ty sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/11/2005.

3. Ngành nghề kinh doanh sau cổ phần hóa

- Thu mua nguyên liệu giấy;
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm về giấy;
- Chế biến gỗ, sản xuất ván dăm ép, dăm mảnh, xén kẻ giấy;
- Chế biến sản xuất viên năng lượng;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải, vật tư) đường bộ;
- Bốc xếp hàng hoá (nguyên nhiên vật liệu, phế thải);
- Kinh doanh dịch vụ sửa chữa xe máy (phương tiện thiết bị vận tải);
- Đại lý giới thiệu và bán các sản phẩm vật tư xây dựng (thiết bị vệ sinh, xi măng, sắt thép, các loại gạch, cát...);
- Cho thuê văn phòng.

4. Cơ cấu tổ chức

Sau cổ phần hóa, Công ty hoạt động theo Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua, căn cứ theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, dưới sự quản lý, giám sát và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Dự kiến bộ máy tổ chức của Công ty như sau:

- Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

- Hội đồng quản trị

- o Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
- o Số lượng thành viên Hội đồng quản trị dự kiến là 05 thành viên (gồm Chủ tịch và 04 thành viên).

- Ban kiểm soát

- Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - Số lượng thành viên Ban kiểm soát dự kiến là 03 thành viên (gồm Trưởng ban và 02 thành viên).
- **Ban giám đốc (Giám đốc và các Phó giám đốc)**
- Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
 - Giúp Giám đốc điều hành Công ty có các Phó Giám đốc;
 - Số lượng Ban Giám đốc dự kiến là 03 thành viên (gồm Giám đốc và 02 Phó giám đốc).
- **Kế toán trưởng**
- Kế toán trưởng do Giám đốc đề nghị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - Kế toán trưởng giúp Giám đốc tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về tài chính, kế toán.
- **Các phòng ban chức năng**
- **Phòng Tổng hợp:**
 - ✓ Tham mưu giúp Giám đốc Công ty thực hiện các chức năng: Tổ chức lao động, tiền lương, hành chính, bảo vệ trật tự an ninh trong nội bộ Công ty, phân cấp quản lý cán bộ của Công ty;
 - ✓ Xây dựng các phương án, các văn bản quản lý về tổ chức, tham mưu cho Lãnh đạo về trình độ, phong cách, tình hình nhân lực của Công ty, áp dụng các biện pháp nhằm quản lý hiệu quả nguồn nhân lực và tiền lương;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch nhân lực, hướng dẫn thực hiện, tổng kết báo cáo quản trị nhân lực. Xây dựng và thực hiện các đề án, chương trình đào tạo nhân lực và cán bộ, phân cấp và quản lý cán bộ;
 - ✓ Xây dựng và tổ chức thực hiện quy định về chuyên môn nghiệp vụ, các phương án về chế độ, chính sách, sắp xếp lao động, định mức lao động, năng suất lao động, đơn giá tiền lương, chính sách tiền lương, tiền thưởng, chế độ làm việc, nghỉ ngơi, chế độ bảo hiểm, bảo hộ lao động, chế độ hưu trí, thôi việc, đảm bảo an toàn về mặt xã hội và luật pháp cho người lao động;
 - ✓ Chịu trách nhiệm quản lý tài sản, công cụ, phương tiện và điều vận phương tiện thuộc lĩnh vực hành chính, quản lý con dấu, công văn, giấy tờ của Công ty theo quy trình, quy phạm quản lý hành chính nhà nước;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch huấn luyện và quản lý lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng bảo vệ trong toàn Công ty.

○ **Phòng Tài chính - Kế toán:**

- ✓ Tham mưu giúp Giám đốc Công ty về việc thực hiện các chế độ tài chính của Nhà nước;
- ✓ Tổ chức hạch toán, kế toán, quản lý và sử dụng các nguồn lực vào sản xuất kinh doanh;
- ✓ Giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo sử dụng vốn có hiệu quả;
- ✓ Tổ chức hạch toán, kế toán toàn Công ty, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và Nhà nước về tính pháp lý, tính chính xác của toàn bộ hoạt động kế toán tài chính theo pháp luật kế toán thống kê của Nhà nước;
- ✓ Thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo, quyết toán, phân tích kết quả sản xuất kinh doanh theo định kỳ và đúng quy định của Nhà nước;
- ✓ Phối hợp với các phòng ban liên quan xây dựng kế hoạch năm, dài hạn phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty;
- ✓ Kiểm tra các đơn vị trực thuộc trong việc quản lý, thu chi, sử dụng các loại quỹ, vốn (đặc biệt bằng tiền) và hệ thống tài sản cố định của toàn Công ty;
- ✓ Phổ biến hướng dẫn kịp thời các chính sách, chế độ mới về quản lý tài chính, hạch toán kế toán của Nhà nước đến các đơn vị trực thuộc trong toàn Công ty;
- ✓ Xây dựng và kiểm soát việc thực hiện các định mức chi phí sản xuất trong toàn Công ty trên cơ sở chính sách, chế độ Nhà nước ban hành;
- ✓ Lập và giao kế hoạch chi phí sản xuất hàng năm cho các đơn vị trực thuộc Công ty;
- ✓ Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện việc thu nộp ngân sách theo quy định của Nhà nước.

○ **Phòng Kế hoạch -Kỹ thuật:**

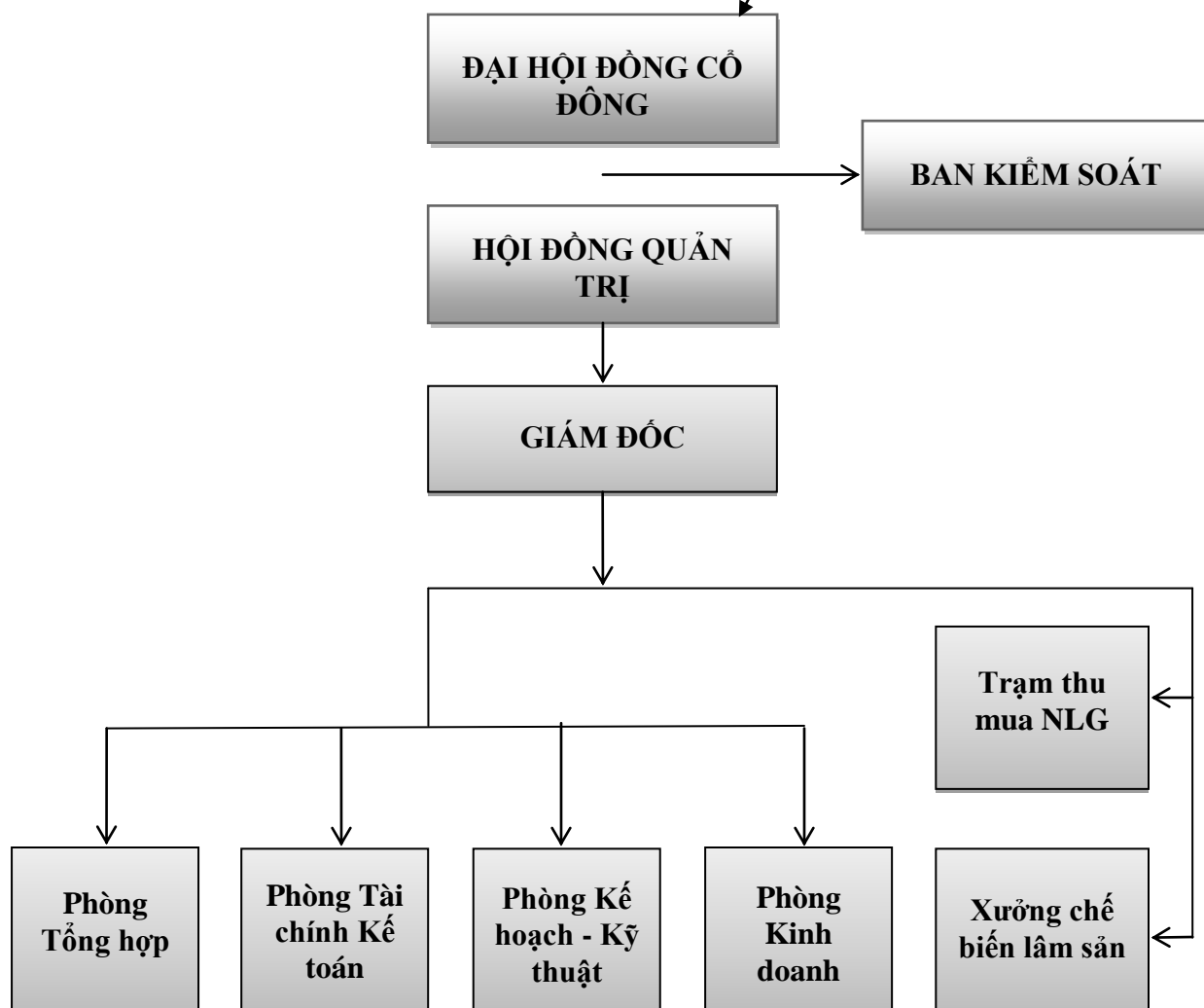
- ✓ Về kế hoạch:
 - Tham mưu giúp Giám đốc Công ty xây dựng các chỉ tiêu, kế hoạch tổng hợp về sản xuất kinh doanh, quản lý kinh tế và xây dựng cơ bản, quản lý và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả;
 - Lập và theo dõi việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn tài sản cố định, kế hoạch vật tư chủ yếu, kế hoạch đầu tư các dự án đầu tư nâng công suất thiết bị của Công ty theo kế hoạch hàng năm và chiến lược dài hạn của Công ty;
 - Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các chế độ, chính sách của nhà nước trong lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản đối với các đơn vị trong toàn công ty. Có trách nhiệm thẩm định dự toán, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn, các dự án đầu tư của Công ty theo đúng quy định của nhà nước;

- Lập kế hoạch mua sắm vật tư, nguyên, nhiên liệu theo hàng tháng, quý, năm đảm bảo đáp ứng đủ và kịp thời phục vụ sản xuất kinh doanh của toàn Công ty; tổ chức tiếp nhận và chịu trách nhiệm về chất lượng vật tư mua vào, quản lý và kiểm soát hệ thống kho, bãi vật tư, cấp phát vật tư, theo dõi và tổng hợp báo cáo tình hình cung cấp, sử dụng vật tư của toàn Công ty theo định kỳ;
 - Quản lý, điều hành các phương tiện xe ô tô của Công ty phục vụ việc chuyên chở vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty;
 - Khai thác, nghiên cứu tìm kiếm nguồn hàng và các nhà cung cấp ổn định, có chất lượng, giá cả phù hợp đảm bảo cho việc sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Về kỹ thuật:
- Chịu trách nhiệm quản lý toàn bộ các quy trình công nghệ sản xuất, công tác khoa học - kỹ thuật, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của Công ty;
 - Xây dựng các định mức kinh tế - kỹ thuật nội bộ, xử lý sự cố hệ thống đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- **Phòng Thị trường:**
- ✓ Tham mưu cho Giám đốc Công ty trong việc nghiên cứu, tổ chức thực hiện chiến lược thị trường và định hướng bán hàng;
 - ✓ Quản lý theo dõi tiêu thụ các sản phẩm giấy vờ, dăm mảnh, việc cung cấp dịch vụ vận tải, công tác chăm sóc phát triển khách hàng của Công ty;
 - ✓ Xây dựng kế hoạch tiêu thụ sản phẩm dăm mảnh, giấy vờ, cung cấp dịch vụ vận tải; kế hoạch và định hướng phát triển khách hàng theo các chương trình dài hạn, ngắn hạn, theo quý, năm cho Công ty;
 - ✓ Tổng hợp và lập báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu lợi nhuận, hiệu quả kinh doanh, khả năng tiết giảm chi phí, biên lợi nhuận của mảng kinh doanh theo định kỳ tháng, quý, năm;
 - ✓ Theo dõi quy trình phát triển khách hàng, thẩm định hồ sơ khách hàng;
 - ✓ Theo dõi, tổng hợp và báo cáo kết quả thu về tài khoản của Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm;
 - ✓ Tiếp nhận thông tin và xử lý các khiếu nại của khách;
 - ✓ Nghiên cứu thị trường tiêu thụ viên năng lượng, lập và trình duyệt phương án đầu tư dự án, chiến lược mở rộng thị trường, quảng bá sản phẩm, quy trình giao tiếp và chăm sóc khách hàng.
- **Trạm thu mua NLG:**

- Giúp Giám đốc quản lý, chỉ đạo, điều hành và trực tiếp tổ chức thực hiện công tác thu mua và vận chuyển nguyên liệu giấy theo phương án kinh doanh được Công ty duyệt;
- Xây dựng phương án kinh doanh của đơn vị, tổ chức thực hiện phương án sau khi được Công ty duyệt đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, cụ thể:
 - Thu mua nguyên liệu giấy bán cho Công ty Giấy Bãi Bằng và các đơn vị có nhu cầu mua theo hợp đồng Công ty đã ký với các đơn vị;
 - Tổ chức vận tải nguyên liệu giấy cho các lâm trường trong Tổng công ty Giấy Việt Nam về giao cho Công ty Giấy Bãi Bằng và các đơn vị có hợp đồng dịch vụ vận chuyển với Công ty;
 - Quản lý toàn bộ hàng hóa khi tiếp nhận vận chuyển cho các đơn vị về nơi giao nhận đầy đủ, đúng chủng loại.
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật Nhà nước nếu để xảy ra mất mát, hao hụt hàng hóa thất thoát vốn trong các khâu: Thu mua, bảo quản, vận chuyển và tiêu thụ hàng hóa lâm sản của đơn vị;
- ✓ Sử dụng có hiệu quả vốn Công ty giao, bố trí hợp lý lực lượng lao động hiện có đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập ổn định;
- ✓ Tổ chức thực hiện công tác hạch toán nội bộ theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Giữ gìn bí mật Công ty, thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Thực hiện tốt các công việc khác do Giám đốc Công ty giao, chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật Nhà nước.
- **Xưởng chế biến lâm sản**
 - ✓ Chủ động xây dựng các phương án kinh doanh của đơn vị, tổ chức thực hiện phương án sau khi được Công ty duyệt đảm bảo hiệu quả kinh doanh cao nhất, cụ thể:
 - Tổ chức thu mua, tiêu thụ nguyên liệu theo kế hoạch và hợp đồng của Công ty đã ký với các đơn vị;
 - Tổ chức vận chuyển dịch vụ NLG cho các đơn vị theo nhu cầu của thị trường trên cơ sở hợp đồng của Công ty;
 - Tổ chức gia công, chế biến gỗ, dăm và tiêu thụ cho khách hàng theo hợp đồng của Công ty;
 - Tổ chức giới thiệu sản phẩm giấy, chế biến và tiêu thụ sản phẩm giấy theo nhu cầu của thị trường trên cơ sở các hợp đồng của Công ty.

- ✓ Tổ chức công tác hạch toán nội bộ của đơn vị theo đúng các quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Chịu trách nhiệm trước Giám đốc Công ty và pháp luật Nhà nước nếu để xảy ra mất mát, hao hụt hàng hóa, tài sản; thất thoát vốn trong các khâu: thu mua, vận tải, chế biến lâm sản và giấy của đơn vị;
- ✓ Quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực Công ty giao; bố trí hợp lý lực lượng lao động hiện có đảm bảo cho người lao động có việc làm và thu nhập ổn định;
- ✓ Giữ gìn bí mật Công ty, thực hiện tốt chế độ báo cáo theo quy định của Công ty và Nhà nước;
- ✓ Chấp hành nghiêm chỉnh các nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật nhà nước;
- ✓ Phối hợp với phòng kinh doanh làm đầu mối liên hệ với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vận chuyển mua bán nguyên liệu giấy, sản phẩm giấy để thực hiện hợp đồng Công ty đã ký với các đối tác.

Sơ đồ 2: Sơ đồ tổ chức của Công ty Cổ phần Vận tải và Chế biến Lâm sản



Ghi chú: → *Mối quan hệ chỉ đạo*

↔ *Mối quan hệ phối hợp*

5. Giá trị thực tế doanh nghiệp để cổ phần hóa

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ tài chính Việt Nam (VVFC) thực hiện;
- Quyết định số 40/QĐ-GVN.HN ngày 06/02/2014 của Hội đồng thành viên Tổng công ty Giấy Việt Nam về việc công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản;
- Giá trị thực tế của Công ty tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013 như sau:

Bảng 11: Giá trị thực tế của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013

Đvt: đồng

Chỉ tiêu	Số liệu sổ sách kế toán	Số liệu sổ sách sau xử lý tài chính	Số liệu xác định lại	Chênh lệch
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4) – (3)
A. Tài sản đang dùng (I+II+III+IV)	14.636.609.487	14.667.209.562	16.749.235.762	2.082.026.200
I.Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	7.422.354.357	7.422.354.357	9.461.181.068	2.038.826.711
1. Tài sản cố định	7.422.354.357	7.422.354.357	9.461.181.068	2.038.826.711
a. Tài sản cố định hữu hình	7.422.354.357	7.422.354.357	9.461.181.068	2.038.826.711
b. Tài sản cố định vô hình	0	0	0	0
c.Tài sản cố định thuê tài chính	0	0	-	0
2. Bất động sản đầu tư	0	0	-	0
3. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0	-	0
4.Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	0	0	-	0
5. Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	0	0	0	0
6. Chi phí trả trước dài hạn (chưa gồm giá trị lợi thế kinh doanh)	0	0	-	0
7. Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
8.Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn	7.214.255.130	7.244.855.205	7.268.319.368	23.464.163

hạn				
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	3.769.181.885	3.769.181.885	3.769.181.353	468
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0
3. Các khoản phải thu	2.669.247.326	2.699.847.401	2.699.847.326	-75
4. Vật tư hàng hóa tồn kho	252.696.919	252.696.919	252.696.919	0
5. Tài sản lưu động ngắn hạn khác	523.129.000	523.129.000	546.592.770	23.463.770
6. Chi phí sự nghiệp	0	0	0	0
III. Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp	0	0	19.735.326	19.735.326
IV. Giá trị quyền sử dụng đất	0	0	0	0
B. Tài sản không cần dùng	0	0	0	0
I. Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	0	0	0	0
II. Tài sản lưu động và đầu tư ngắn hạn	0	0	0	0
1. Hàng hóa tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất	0	0	0	0
C. Tài sản chờ thanh lý	0	0	0	0
D. Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DOANH NGHIỆP (A+B+C+D)	14.636.609.487	14.667.209.562	16.749.235.762	2.082.026.200
Trong đó:				
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ DOANH NGHIỆP	14.636.609.487	14.667.209.562	16.749.235.762	2.082.026.200
E1: Nợ thực tế phải trả	1.938.914.462	1.938.914.462	1.938.914.462	0
E2: Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	0	0	0
E3: Nguồn kinh phí sự nghiệp	0	0	0	0
TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-(E1+E2+E3))	12.697.695.025	12.728.295.100	14.810.321.300	2.082.026.200

Nguồn: Báo cáo kết quả xác định doanh nghiệp của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

6. Vốn điều lệ công ty cổ phần

6.1 Căn cứ xác định vốn điều lệ

- Nhu cầu vốn của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản bao gồm nhu cầu vốn lưu động và vốn đầu tư cơ bản sau cổ phần hóa nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra cho giai đoạn sắp tới, cũng như tạo tiền đề cho sự phát triển bền vững của Công ty.
- Chiến lược sở hữu cổ phần của Nhà nước tại Công ty.
- Kế hoạch chào bán cổ phần của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản ra công chúng, CBCNV.

6.2 Quy mô vốn điều lệ

- Vốn điều lệ: 14.810.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần: 1.481.000 cổ phần
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

Trên cơ sở các căn cứ nêu trên, quy mô vốn điều lệ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản cho giai đoạn 3 năm sau cổ phần hóa (2014 – 2016) dự kiến như sau:

**Bảng 12: Quy mô vốn điều lệ của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản
giai đoạn 2014 – 2016**

Dvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
Vốn điều lệ	14.810	16.500	16.500

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản tại thời điểm 0h ngày 01/10/2013, tổng giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 14.810.321.300 đồng.

Với định hướng và kế hoạch kinh doanh, dựa trên nhu cầu vốn lưu động thường xuyên cho hoạt động kinh doanh, cũng như phương án đầu tư giai đoạn 2014-2016, Công ty đã cân nhắc và quyết định mức vốn điều lệ cho năm 2014 là 14.810.000.000 đồng. Kế hoạch đầu tư của Công ty giai đoạn 2014-2016 cụ thể như sau:

- Tập trung vào mảng sản xuất và chế biến dăm gỗ, trên cơ sở đầu tư nâng gấp đôi công suất so với năm 2013 (dự kiến sản lượng là 12.000 tấn dăm khô) bằng việc bổ sung thêm 01 máy băm dăm loại 6 dao và các thiết bị đi kèm như băng tải, máy mài, cầu cân (xem thêm kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị sản xuất dăm mảnh).
- Các mảng hoạt động khác như vận tải, sản xuất giấy vờ, xưởng cơ khí chỉ mang tính phụ trợ và sẽ được thu hẹp dần để chuyển nguồn lực về mảng kinh doanh chính.

- Mở rộng nhà máy sản xuất dăm mảnh tại Phú Hà, phường Phong Châu, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ, hướng tới xây dựng thành cơ sở đầu tư sản xuất chế biến viên năng lượng ở giai đoạn 2.
- Đầu tư bổ sung nâng công suất máy móc thiết bị theo lộ trình.

6.3 Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông

Cơ cấu vốn cổ phần của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản dự kiến như sau:

Bảng 13: Tỷ lệ cổ phần của các cổ đông

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần (cổ phần)	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ so với vốn điều lệ (%)
1	Nhà nước	0	0	0,0%
2	Bán ra bên ngoài	1.481.000	14.810.000.000	100,0%
2.1	CBCNV	77.800	778.000.000	5,3%
2.2	Nhà đầu tư khác	1.403.200	14.032.000.000	94,7%
	Tổng cộng	1.481.000	14.810.000.000	100,0%

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Ghi chú: Cơ cấu vốn xác định cuối cùng phụ thuộc vào quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa, trên cơ sở quyết định về vốn điều lệ, cung cầu thị trường và số lượng mua thực tế của các nhà đầu tư nêu trên.

7. Cổ phần bán theo giá ưu đãi cho người lao động

7.1 Mục tiêu chào bán

Mục tiêu của việc chào bán cổ phần cho người lao động là nhằm gắn kết người lao động với Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản, đồng thời nhìn nhận những đóng góp của người lao động đối với giá trị của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản và tạo động lực cho người lao động gắn bó tương lai với Công ty.

7.2 Tiêu chí lựa chọn

Căn cứ các quy định của pháp luật có liên quan, các đối tượng được mua cổ phần của Công ty khi phát hành cổ phiếu lần đầu là: người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa; người lao động có tên trong danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa, thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời gian ít nhất 3 năm (kể từ ngày doanh nghiệp được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu). Theo đó, các đối tượng được mua cổ phần của Công ty bao gồm:

- Các chức danh quản lý doanh nghiệp không thuộc đối tượng ký hợp đồng lao động;
- Người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn;
- Người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng; hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc công việc nhất định có thời hạn từ đủ 3 tháng đến dưới 12 tháng;
- Người lao động đang tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật, chờ việc theo quyết định của giám đốc doanh nghiệp.

7.3 Nguyên tắc xác định thời gian công tác được tính để mua cổ phần

- Thời gian được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi là tổng thời gian (tính theo số năm đủ 12 tháng, không tính tháng lẻ) thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị của doanh nghiệp. Thời gian này không bao gồm thời gian thực tế làm việc đã được tính để mua cổ phần với giá ưu đãi tại doanh nghiệp cổ phần hóa trước đó; thời gian thực tế làm việc đã được tính hưởng chế độ hưu trí; thời gian thực tế làm việc đã được tính để nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần.
- Thời gian thực tế làm việc trong khu vực nhà nước của người lao động đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp để tính mua cổ phần với giá ưu đãi, bao gồm:
 - o Thời gian người lao động thực tế làm việc tại doanh nghiệp 100% vốn nhà nước; cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang được hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước;
 - o Thời gian có hưởng lương từ nguồn doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngân sách nhà nước (thời gian đào tạo, công tác...), hưởng chế độ bảo hiểm xã hội (nghỉ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp);
 - o Thời gian làm việc theo hình thức nhận khoán sản phẩm, khối lượng công việc trong thời gian này mà doanh nghiệp 100% vốn nhà nước có trả lương và có đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định của pháp luật.

7.4 Phương pháp và quy mô chào bán

- Phương pháp chào bán: chào bán trực tiếp cho người lao động.
- Quy mô chào bán:

Bảng 14: Số lượng cổ phần chào bán cho người lao động

TT	Nội dung	Ghi chú
1	Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên tại thời điểm cổ phần hóa	52 người
2	Tổng số lao động được mua cổ phần theo giá ưu đãi	43 người
3	Tổng số năm công tác trong khu vực Nhà nước	778 năm

4	Tổng số cổ phần được mua ưu đãi theo quy định tại Nghị định 59	77.800 cổ phần
6	Tổng số cổ phần ưu đãi được đăng ký mua	77.800 cổ phần

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Danh sách người lao động, số năm công tác của từng người, số cổ phần được mua ưu đãi của từng người được nêu chi tiết trong Phương án sắp xếp lao động đính kèm.

7.5 Xác định giá chào bán

Theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP, giá chào bán cho người lao động là giá bằng 60% giá đấu giá thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước). Riêng trường hợp người lao động thuộc đối tượng doanh nghiệp cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp trong thời gian ít nhất 3 năm, giá chào bán cho người lao động là giá đấu giá thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước).

7.6 Lộ trình thực hiện

Bảng 15: Lộ trình thực hiện việc chào bán cho người lao động

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Thời điểm tổ chức thực hiện đấu giá	T+30
3	Thu tiền mua cổ phần từ người lao động	T+31 đến T+50

Ghi chú: Thời gian thực hiện thực tế có thể thay đổi tùy theo tình hình triển khai thực tế và thời gian chờ quyết định phê duyệt của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (T = ngày)

III. PHƯƠNG ÁN LAO ĐỘNG

1. Kế hoạch sắp xếp lao động

Phương án sử dụng lao động tại Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản như sau:

- **Tổng số lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp: 52 người**
- **Tổng số lao động chuyển sang làm việc tại công ty cổ phần: 33 người**
 Trong đó:
 - o Số lao động chuyển từ công ty cũ sang: 33 người
 - o Số lao động cần tuyển mới: 0 người
- **Tổng số lao động không tiếp tục làm việc sau cổ phần hóa: 19 người**
 Trong đó:
 - o Lao động dôi dư theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP:

- Nghỉ hưu: 0 người
- Lao động dôi dư 0 người
- Lao động nghỉ hưu theo Luật Lao động: 0 người
- Lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động: 9 người
- Trong đó:
 - Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động: 9 người
 - Số lao động không bố trí được việc làm sau cổ phần hóa: 10 người

2. Kế hoạch xử lý lao động dôi dư

- Tổng số lao động dôi dư: 19 người
 - Trong đó:
 - Lao động đủ điều kiện nghỉ hưu theo Bộ Luật Lao động: 0 người
 - Lao động đủ tuổi nghỉ hưu theo Nghị định 91/2010/NĐ-CP: 0 người
 - Lao động sẽ chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Luật Lao động: 19 người
- Tổng chi phí giải quyết chính sách lao động dự kiến 764.899.500 đồng.

3. Kế hoạch đào tạo lại

Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản không có lao động phải đào tạo lại. Tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần, các CBCNV đều đáp ứng được yêu cầu về trình độ và chuyên môn phục vụ cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty.

4. Chính sách đối với người lao động

Các chính sách về lao động của Công ty trong giai đoạn 2014 – 2016 gồm những điểm chính như sau:

- Việc trả lương thực hiện theo bảng lương đăng ký với cơ quan lao động của địa phương, quy chế trả lương và thưởng của Công ty theo mức độ hoàn thành và tính chất công việc;
- Thực hiện nộp BHXH, BHYT và BHTN cho người lao động theo chế độ chính sách nhà nước;
- Kế hoạch cụ thể về Quỹ lương của Công ty sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định trên cơ sở đề xuất của Ban giám đốc theo đúng quy định hiện hành;
- Căn cứ các quy định của pháp luật về lao động, kế hoạch kinh doanh và tình hình cụ thể của quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty sẽ có chế độ lương, thưởng thích hợp để khuyến khích động viên lực lượng lao động;
- Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể và các chính sách của Công ty.

IV. GIÁ KHỞI ĐIỂM, THỜI GIAN VÀ CƠ QUAN BÁN CỔ PHẦN

1. Quy mô chào bán và nhà đầu tư mục tiêu

Số lượng cổ phần Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản chào bán ra công chúng thông qua hình thức đấu giá công khai là 1.403.200 cổ phần, tương đương với 94,7% vốn điều lệ của Công ty sau cổ phần hóa, trong đó: khối lượng đăng ký mua tối thiểu là 100 cổ phần, tương đương 1.000.000 đồng (tính theo mệnh giá).

2. Phương pháp chào bán

Việc chào bán cổ phần ra công chúng sẽ được tiến hành theo hình thức đấu giá công khai thông qua Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Quá trình thực hiện đấu giá cổ phần phải được tuân thủ chặt chẽ tại quy chế bán đấu giá và các yêu cầu do tổ chức thực hiện bán đấu giá ban hành.

3. Xác định giá khởi điểm

Được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng trên cơ sở:

- Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản do Công ty Cổ phần Định giá và Dịch vụ Tài chính Việt Nam (VVFC) lập;
- Tình hình thị trường chứng khoán Việt Nam và thế giới cũng như các yếu tố ảnh hưởng khác tại thời điểm trước khi tổ chức bán đấu giá cổ phần công khai.

Tại thời điểm xây dựng phương án cổ phần hóa, giá khởi điểm dự kiến là 10.000 đồng/cổ phần. Giá khởi điểm chính thức sẽ được xác định tại thời điểm chào bán cổ phần ra công chúng theo quyết định của Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản.

4. Lộ trình thực hiện

Bảng 16: Lộ trình thực hiện việc chào bán cổ phần ra công chúng

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến
1	Nhận quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
2	Ký kết hợp đồng bán đấu giá với tổ chức thực hiện đấu giá	T+1 đến T+3
3	Thông báo đăng ký làm đại lý của tổ chức thực hiện đấu giá	T+4 đến T+9
4	Đăng báo và công bố thông tin về bán đấu giá và Bản công bố thông tin	từ T+10
5	Tổ chức thuyết trình, giới thiệu cơ hội đầu tư	T+20
6	Phối hợp với tổ chức thực hiện đấu giá tổ chức buổi bán đấu giá	T+30
7	Nhận từ thu từ bán cổ phần từ tổ chức thực hiện đấu giá	T+31 đến T+45
8	Công bố danh sách nhà đầu tư được mua cổ phần từ đợt đấu giá	T+45 đến T+50

9	Báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa	T+51 đến T+55
---	---------------------------------	---------------

Ghi chú: Thời gian thực hiện thực tế có thể thay đổi tùy theo tình hình triển khai thực tế và thời gian chờ quyết định phê duyệt của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (T = ngày).

5. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ đợt phát hành cổ phần

5.1. Chi phí cổ phần hóa dự kiến

Dự toán chi phí cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản, tổng chi phí cổ phần hóa Công ty như sau:

Bảng 17: Chi phí cổ phần hóa

Dvt: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Chi phí tập huấn nghiệp vụ cổ phần	5.000.000
2	Chi phí kiểm kê xác định giá trị doanh nghiệp	10.000.000
3	Chi phí lập phương án cổ phần hóa, xây dựng điều lệ (theo giá trị hợp đồng)	20.000.000
4	Chi phí thuê tư vấn kiểm toán xác định giá trị doanh nghiệp (theo giá trị hợp đồng)	90.500.000
5	Chi phí tổ chức Hội nghị người lao động bất thường để triển khai cổ phần hóa	5.000.000
6	Chi phí bán cổ phần lần đầu tại Công ty (gồm cả thuê Công ty chứng khoán tổ chức bán đấu giá phát hành cổ phiếu ra công chúng)	20.000.000
7	Chi phí hoạt động tuyên truyền, cáo bạch thông tin	15.000.000
8	Chi phí tổ chức Đại hội cổ đông lần đầu	9.500.000
9	Phụ cấp Ban chỉ đạo cổ phần hóa, tổ giúp việc	20.000.000
10	Các chi phí khác liên quan đến việc cổ phần hóa Công ty	5.000.000
	Tổng cộng	200.000.000

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Chi phí cổ phần hóa sẽ được quyết toán trên cơ sở các chi phí thực tế sau khi kết thúc quá trình cổ phần hóa.

5.2. Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần

Do chưa tổ chức bán đấu giá, chưa xác định được giá đấu thành công và giá đấu thành công thấp nhất nên Công ty tạm tính số tiền thu từ cổ phần hóa theo phương án giá định tất cả số

lượng cổ phần bán đấu giá được mua với giá bình quân theo giá khởi điểm là 10.000 đồng/cổ phần, sau khi có giá chính thức sẽ điều chỉnh theo, cụ thể như sau:

Bảng 18: Dự kiến số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phần

Đvt: đồng

TT	Nội dung	Số tiền
1	Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp sau khi đánh giá lại	14.810.321.300
2	Các khoản tiền thu từ cổ phần hóa	14.498.800.000
2.1	Thu từ bán cổ phần cho CBCNV theo tiêu chuẩn thâm niên làm việc trong khu vực nhà nước	466.800.000
2.2	Thu từ bán đấu giá ra bên ngoài	14.032.000.000
3	Giá trị mệnh giá cổ phần đã bán cho CBCNV, bán đấu giá ra bên ngoài	14.810.000.000
4	Chi phí cổ phần hóa dự kiến	200.000.000
5	Chi phí giải quyết cho lao động dôi dư	764.899.500
6	Số tiền thu từ bán phần vốn Nhà nước còn lại sau khi trừ đi các khoản chi theo quy định(= 2-4-5)	13.533.900.500

Ghi chú: Các số liệu tính toán dựa trên giả định: các đối tượng được chào mua cổ phần mua hết số lượng cổ phần chào mua; giá đấu thành công thấp nhất bằng giá khởi điểm.

V. PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Mục tiêu và tầm nhìn chiến lược

Công ty sẽ tiếp tục duy trì, phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh sau cổ phần hóa, chọn ngành kinh doanh có các đặc điểm: (i) có triển vọng tăng trưởng và tiềm năng sinh lời tốt, (ii) là lĩnh vực mà đơn vị có lợi thế cạnh tranh, (iii) là lĩnh vực phù hợp với chiến lược chung của Tổng công ty Giấy Việt Nam và địa bàn kinh doanh.

Theo đó, ngành nghề kinh doanh dự kiến của công ty sau cổ phần hóa gồm tiếp tục sản xuất và chế biến dăm gỗ trong giai đoạn 2014-2016, nghiên cứu chuyển hướng đầu tư sang sản xuất viên năng lượng từ sau năm 2016.

2. Kế hoạch kinh doanh sau cổ phần hóa

2.1 Phân tích môi trường kinh doanh

- Môi trường kinh doanh:
 - o Tình hình chính trị của đất nước ổn định, tạo tiền đề thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư và tiếp thu công nghệ;

- Hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách đang dần được hoàn thiện và dần phù hợp với xu thế phát triển của đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tuy nhiên, những thay đổi trong hệ thống chính sách pháp luật vẫn chưa theo kịp hoặc lờnng hết những biến động của thị trường, gây khó khăn trong việc đầu tư, tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp;
 - Về dài hạn, đất nước vẫn đang trên đà phát triển nhưng ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu là không nhỏ, làm giảm tốc độ tăng trưởng kinh tế trong một vài năm tới;
 - Việt Nam đang chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, tạo thêm nhiều thuận lợi cho việc đổi mới phát triển kinh tế – xã hội với nhịp độ nhanh hơn. Việc gia nhập WTO sẽ đem lại cho nền kinh tế nước ta nói chung và ngành lâm nghiệp nói riêng không ít những cơ hội cũng như thách thức.
- Môi trường xã hội:
 - Nền kinh tế phát triển khiến thu nhập của đại bộ phận nhân dân tăng lên, theo đó đời sống của các tầng lớp nhân dân được cải thiện làm cho nhu cầu tiêu dùng chung trong toàn xã hội tăng;
 - Người tiêu dùng ngày càng có yêu cầu cao về chất lượng sản phẩm, dịch vụ;
 - Môi trường văn hóa xã hội có tiến bộ nhiều mặt, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tốt.
 - Môi trường công nghệ:
 - Mức độ chuyên môn hóa không cao, khả năng thay đổi hoặc chế tạo sản phẩm mới hạn chế;
 - Quy mô sản xuất của ngành vẫn ở mức trung bình, chưa tận dụng được tính kinh tế của quy mô sản xuất lớn.

2.2 Thuận lợi và khó khăn của Công ty sau cổ phần hóa

- Lĩnh vực sản xuất và chế biến dăm gỗ là một mảnh ghép hợp lý trong chiến lược chung của Tổng công ty: Sau cổ phần hóa, đơn vị vẫn sẽ là một công ty có quan hệ mật thiết với Tổng công ty Giấy Việt Nam, theo đó, việc tập trung vào mảng kinh doanh này có liên quan đến ngành nghề kinh doanh và chiến lược chung của Tổng công ty là cần thiết và phù hợp;
- Địa bàn hoạt động trong vùng nguyên liệu: Công ty có địa bàn hoạt động tại tỉnh Phú Thọ, là vùng nguyên liệu gỗ lớn và có nguồn gốc tốt của cả nước, ngoài ra các tỉnh lân cận như Yên Bái, Tuyên Quang cũng sở hữu diện tích rừng lớn. Theo đó, doanh nghiệp giữ lợi thế về việc ở gần vùng nguyên liệu, có sự thuận tiện trong việc thu mua, chế biến gỗ và vận chuyển đến khách hàng;
- Nhu cầu tiêu thụ của dăm gỗ của thế giới ngày càng lớn, đặc biệt tại các nước châu Á như Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, theo đó đầu ra tương đối được đảm bảo

trong ngắn hạn: Nhu cầu dăm gỗ xuất phát từ nhiều ngành như xây dựng, trang trí nội thất, giấy, phụ gia sản xuất, năng lượng tái sinh;

- Công ty có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh này: Cán bộ nhân viên công ty có kinh nghiệm trong việc kiểm định thu mua gỗ có chất lượng, kiểm soát được nguồn gốc xuất xứ các loại gỗ, theo đó giảm thiểu mức rủi ro trong việc hàng bán bị trả lại, giữ uy tín với các đơn vị thu mua;
- Lĩnh vực này đang được hưởng một số ưu đãi của nhà nước: Thuế xuất khẩu hiện nay là 0%, tiêu thụ nội địa không chịu thuế giá trị gia tăng (VAT), không bị áp hạn ngạch xuất nhập khẩu.

Tuy nhiên, Công ty cũng nhận thấy có nhiều khó khăn mà ngành dăm gỗ sẽ phải đối mặt trong dài hạn, cụ thể:

- Nguồn cung dăm gỗ suy giảm do thiếu hụt nguyên liệu trong khi công suất ngành hiện đã quá lớn: Khả năng xoay vòng chu kỳ thu hoạch của nông dân Việt Nam chưa tốt, thời tiết bất ổn nguồn cung gỗ thường xuyên bị biến động, chất lượng gỗ không được đảm bảo. Cùng với việc tăng trưởng nhanh và nóng trong thời gian qua, tình trạng thiếu hụt nguyên liệu sẽ ngày càng tăng trong thời gian tới;
- Doanh nghiệp không sở hữu vùng nguyên liệu: Do Công ty không có vùng nguyên liệu riêng, doanh nghiệp sẽ gặp nhiều khó khăn trong việc đảm bảo tỷ suất lợi nhuận kinh doanh, do giá thu mua nguyên liệu sẽ biến động theo cung cầu thị trường, việc duy trì nguồn đầu vào cũng bị ảnh hưởng theo chu kỳ thu hoạch và nhu cầu của các đơn vị cạnh tranh;
- Thị trường tập trung và phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc (70-80%) và khó mở rộng thị trường khác. Chất lượng dăm gỗ Việt Nam còn kém, không đồng đều và chưa có các chứng nhận kiểm soát nguồn gốc, chất lượng nên giá thường xuyên bị ép và cũng khó thâm nhập các thị trường khó tính;
- Triển vọng dài hạn phụ thuộc vào việc cấu trúc, quy hoạch và phát triển của ngành: Ngành dăm gỗ đã phát triển nhanh và nóng trong thời gian qua dẫn đến thiếu hụt nguyên liệu. Do đó trong thời gian tới ngành cần phải được tái cấu trúc hoạt động của các doanh nghiệp, quy hoạch phát triển vùng nguyên liệu. Bên cạnh đó, Nhà nước định hướng ngành gỗ phải đi sâu vào chế biến, xuất khẩu các sản phẩm sau dăm gỗ.

Vì lý do trên, để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty tiếp tục lấy ngành sản xuất và chế biến dăm gỗ là lĩnh vực kinh doanh chính trong ngắn hạn (giai đoạn 2014-2016), nhưng song song với việc này, công ty đồng thời nghiên cứu chuyển hướng sang đa dạng hóa phạm vi và ngành nghề kinh doanh, thiết lập cơ sở khách hàng mới và mở rộng thị trường tiêu thụ. Trong dài hạn, Công ty nhận thấy (i) Sản xuất viên năng lượng là một lĩnh vực còn mới ở Việt Nam, có triển vọng, phù hợp với yêu cầu xã hội và năng lực của Công ty, là một hướng đi phù hợp, và (ii) Việc bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh dịch vụ lưu trú, thương mại là cần thiết để khai thác lợi thế quỹ đất mà công ty đang sở hữu tại Thị xã Phú Thọ.

2.3 Kế hoạch doanh thu chi phí 3 năm sau cổ phần hóa

Bảng 19: Dự kiến kết quả kinh doanh 3 năm sau cổ phần hóa

T	Các chỉ tiêu chủ yếu	Đvt	Năm 2014	Năm 2015	Năm 2016
1	Vốn điều lệ	10 ⁶ đồng	14.810	16.500	16.500
2	Tổng doanh thu	10 ⁶ đồng	62.752	69.202	71.352
3	Chi phí	10 ⁶ đồng	61.693	68.053	70.173
4	Lợi nhuận trước thuế	10 ⁶ đồng	1.059	1.149	1.179
5	Lợi nhuận sau thuế	10 ⁶ đồng	826	895	919
6	Tỷ suất LN sau thuế/vốn điều lệ	%	5,6	5,4	5,6
7	Tỷ lệ cổ tức/vốn điều lệ	%	5,0	5,0	5,0
8	Tổng lao động bình quân	người	50	50	50
9	Tổng quỹ lương	10 ⁶ đồng	3.000	3.360	3.600
10	Thu nhập bình quân tháng	(triệu đồng/người)	5	5,6	6

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Sau khi cổ phần hóa, Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản sẽ tập trung phát triển mảng sản xuất và tiêu thụ dăm (sẽ chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu của Công ty). Định hướng trong tương lai sản phẩm chủ lực của Công ty sẽ là viên năng lượng. Với lợi thế cạnh tranh của mình, Công ty hoàn toàn có thể tin tưởng vào đầu ra cũng như hiệu quả kinh doanh do sản phẩm này mang lại trong giai đoạn sắp tới.

Kế hoạch kinh doanh cụ thể của Công ty qua các năm 2014-2016 như sau:

Năm 2014:

Đvt: '000 đồng

T	Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu	Chi phí	LNTT
1	Sản xuất và tiêu thụ dăm	Tấn	25.000	2.150	53.750.000	52.965.550	784.450
2	Dịch vụ vận tải bốc dỡ	Ka	700	4.000	2.800.000	2.660.000	140.000
3	Sản xuất và tiêu thụ vở học sinh	Tấn	150	26.677	4.001.530	3.894.126	107.404
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí	Đồng		-	400.000	400.000	-

5	Dịch vụ tiêu thụ giấy chế biến	Tấn	90	20.000	1.800.000	1.773.000	27.000
	Tổng cộng				62.751.530	61.692.676	1.058.854

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Năm 2015:

Đvt: '000 đồng

T	Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu	Chi phí	LNTT
1	Sản xuất và tiêu thụ dăm	Tấn	28.000	2.150	60.200.000	59.321.416	878.584
2	Dịch vụ vận tải bốc dỡ	Ka	700	4.000	2.800.000	2.660.000	140.000
3	Sản xuất và tiêu thụ vở học sinh	Tấn	150	26.677	4.001.530	3.894.126	107.404
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí	Đồng		-	400.000	400.000	-
5	Dịch vụ tiêu thụ giấy chế biến	Tấn	90	20.000	1.800.000	1.777.458	22.542
	Tổng cộng				69.201.530	68.053.000	1.148.530

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Năm 2016:

Đvt: '000 đồng

T	Sản phẩm	Đvt	Sản lượng	Đơn giá	Doanh thu	Chi phí	LNTT
1	Sản xuất và tiêu thụ dăm	Tấn	29.000	2.150	62.350.000	61.440.038	909.962
2	Dịch vụ vận tải bốc dỡ	Ka	700	4.000	2.800.000	2.660.000	140.000
3	Sản xuất và tiêu thụ vở học sinh	Tấn	150	26.677	4.001.530	3.894.126	107.404
4	Dịch vụ sửa chữa cơ khí	Đồng		-	400.000	400.000	-
5	Dịch vụ tiêu thụ giấy chế biến	Tấn	90	20.000	1.800.000	1.778.836	21.164
	Tổng cộng				71.351.530	70.173.000	1.178.530

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

3. Phương án sử dụng đất

Bảng 20: Các khu đất hiện nay công ty đang quản lý và sử dụng

TT	Vị trí	Diện tích (m ²)	Mục đích đang sử dụng	Hồ sơ pháp lý
1	Phố Phú Hà, Phường Phong Châu, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	10.113	Trụ sở làm việc xưởng sản xuất	Thuê đất thời hạn 30 năm từ 01/01/1996, trả tiền hàng năm
2	Phố Long Xuyên, Phường Hùng Vương, Thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ	3.101	Xưởng sản xuất + cửa hàng	Thuê đất thời hạn 30 năm từ 01/01/1996, trả tiền hàng năm
3	Xã Tiên Du, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ	500	Trạm thu mua nguyên liệu	Chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Phương án sử dụng đất của Công ty đã được gửi cho UBND tỉnh Phú Thọ. Công ty cam kết hoàn thành tất cả các thủ tục liên quan trước khi bán cổ phần lần đầu.

4. Biện pháp thực hiện

Để thực hiện được các chỉ tiêu kế hoạch 03 năm 2014-2016 đã đề ra, Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản đưa ra 06 nhóm giải pháp gồm:

4.1 Nhóm giải pháp về thị trường và sản phẩm

- Đầu tư sản xuất, kinh doanh tập trung vào các sản phẩm và dịch vụ truyền thống đã thực hiện trong những năm vừa qua;
- Tiếp tục giữ vững và phát triển các thị trường truyền thống là sản xuất và chế biến dăm mảnh, mở rộng hợp tác với các đối tác nhà cung cấp và khách hàng tiềm năng;
- Từng bước tiếp cận thị trường sản xuất chế biến sản phẩm viên năng lượng theo lộ trình;
- Tăng cường tiếp thị, quảng cáo và thực hiện tốt chính sách chất lượng đối với khách hàng.

4.2 Nhóm giải pháp marketing

- Lựa chọn những hình thức quảng cáo phù hợp với quy mô Công ty;
- Bổ sung thêm ngân sách cho quảng cáo hàng năm, nâng tổng mức chi phí quảng cáo hàng năm bằng 2-3% tổng doanh thu.

Một số hình thức chính:

- Quảng cáo biển tấm lớn tại một số trung tâm, trực đường chính;
- Tạo lập website cho Công ty;
- Tham gia hội chợ chuyên ngành;

- Phát hành những ấn phẩm, tài liệu phục vụ công tác bán hàng và quảng bá;
- Tổ chức hội nghị khách hàng;
- Một số hình thức khác phù hợp từng thời điểm.

4.3 Nhóm giải pháp về đầu tư

- Về ngành nghề kinh doanh:

Ngoài việc mở rộng và phát triển ngành nghề kinh doanh truyền thống theo các hướng chủ động vùng nguyên liệu, công ty cũng tìm kiếm cơ hội tham gia đầu tư cung cấp các loại hình dịch vụ khác, tận dụng lợi thế đang quản lý một số lô đất lớn có vị trí đẹp tại thị xã Phú Thọ.

- Về máy móc thiết bị:

- o Tăng cường đầu tư chiều sâu có trọng điểm, xây dựng hệ thống nhà máy và máy móc phục vụ cho sản xuất chế biến dăm mảnh tại Phú Hà, Phú Thọ, khai thác tối đa năng lực thiết bị và công nghệ hiện có của công ty;
- o Phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật, ứng dụng khoa học kỹ thuật thông tin, linh hoạt thay đổi công nghệ sản xuất phù hợp và yêu cầu phát triển nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- o Huy động vốn từ cán bộ công nhân viên, người lao động trong công ty và các nhà đầu tư để có cơ hội đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng, cơ cấu hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng đa dạng, nâng cao năng lực cạnh tranh của công ty trên thị trường.

Bảng 21: Kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị (giai đoạn 1)

TT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (‘000 đồng)
I	Xây dựng				
1	Đào hầm, đổ bê tông bộ máy				50.000
2	Nhà xưởng lợp tôn	m2	150	280	42.000
3	Sân nền bê tông	m2	150		30.000
II	Máy móc thiết bị				
1	Máy băm dăm loại 6 dao		02	160.000	320.000
2	Sàng rung		01	80.000	80.000
3	Băng tải (loại 0,8m)	m	40	4.500	180.000
4	Máy bóc vỏ 1 lô loại dài		01	120.000	120.000
5	Máy mài dao		01	25.000	25.000
6	Cầu cân 80 tấn		01	150.000	150.000

7	Chi phí lắp đặt máy				30.000
	Tổng đầu tư				1.027.000

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

Bảng 22: Kế hoạch đầu tư sản xuất viên năng lượng (giai đoạn 2)

TT	Hạng mục	Đvt	Số lượng	Thành tiền (‘000 đồng)
I	Xây dựng			
1	Nhà thép tiền chế chứa máy móc	m2	1.200	2.000.000
2	Nhà thép tiền chế nguyên liệu thành phẩm	m2	1.200	2.000.000
3	Nhà nghỉ công nhân	m2	300	1.000.000
4	Canteen	m2	300	1.000.000
5	Cảnh quan, khu vực chung		01	200.000
II	Máy móc thiết bị			
1	Hệ thống dây chuyền sản xuất			6.780.000
1.1	Hệ thống băm dăm gỗ	HT	01	
1.2	Hệ thống nghiền mùn cưa	HT	01	
1.3	Hệ thống sấy	HT	01	
1.4	Máy nén viên gỗ	HT	02	
1.5	Hệ thống làm mát	HT	01	
1.6	Hệ thống đóng bao bì	HT	01	
1.7	Hệ thống điều khiển	HT	01	
1.8	Băng chuyền, vít tải, khác	HT	01	
2	Xe tải	chiếc	01	1.000.000
3	Xe nâng	chiếc	01	100.000
4	Trạm cân điện tử	trạm	01	120.000
5	Máy biến áp 560 KVA	trạm	01	1.000.000
6	Hệ thống PCCC	HT	01	60.000
	Tổng đầu tư			15.260.000

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

4.4 Nhóm giải pháp về vốn, tài chính

- Sử dụng hiệu quả vốn kinh doanh:

- Sử dụng vốn đúng mục đích và có hiệu quả;
- Quản lý vốn chặt chẽ, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát các chi phí đầu vào, quản lý tốt công tác tiêu thụ sản phẩm, chống thất thoát vốn;

- Khai thác tốt các hình thức huy động vốn, đảm bảo đủ vốn cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
- Nâng cao doanh thu, lợi nhuận hàng năm của công ty, đảm bảo lợi ích tối đa và chi trả cổ tức thoả đáng cho các cổ đông;
- Công ty cần xây dựng giải pháp tài chính hợp lý, tăng nguồn vốn và phấn đấu tham gia sàn giao dịch chứng khoán khi có đủ điều kiện.

Bảng 23: Nhu cầu vốn lưu động 3 năm 2014-2016

Đvt: '000 đồng

TT	Năm	2014	2015	2016
1	Doanh thu	62.751.530	69.202.000	71.351.000
2	Số vòng quay vốn bình quân (lần)	6	6	6
3	Nhu cầu vốn lưu động	10.458.588	11.533.667	11.891.833
4	Vốn lưu động hiện có	5.056.239	5.056.239	5.056.239
5	Vốn lưu động cần bổ sung	5.402.350	6.477.428	6.835.595

Nguồn: Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản

- Thực hiện các giải pháp tiết kiệm chi phí:

- Tuyên truyền vận động cán bộ công nhân viên tiết kiệm chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, điện thoại;
- Sử dụng chi phí quảng cáo, tiếp thị, tiếp khách hợp lý, hạn chế các chi phí gián tiếp không cần thiết;
- Hạn chế, tiết kiệm chi phí đi công tác. Đi công tác bằng hình thức, phương tiện theo hướng tiết kiệm;
- Bố trí lại nhân sự quản lý theo hướng tinh giản, gọn nhẹ hiệu quả;
- Rà soát bảo trì, bảo quản xe, thiết bị, xe điều hành; phát huy hết hiệu quả sử dụng tài sản thiết bị, không để tài sản chờ việc nhưng phải chịu chi phí khấu hao, sửa chữa;
- Cắt giảm chi phí hội họp, liên hoan, chúc mừng...chưa thực sự cần thiết và chỉ tổ chức hội họp theo hướng đơn giản, tiết kiệm, không phô trương.

4.5 Nhóm giải pháp về nguồn nhân lực

- Bố trí, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với cơ chế chuyển đổi doanh nghiệp, phù hợp với năng lực, chuyên môn của người lao động;
- Gắn kết trách nhiệm và quyền lợi của người lao động một cách chặt chẽ;
- Có chế độ ưu đãi về thu nhập, sức khỏe, phúc lợi,... cho người lao động. Tạo điều kiện để người lao động gắn bó hơn với công ty, làm việc hiệu quả hơn;

- Có chính sách ưu đãi, khuyến khích, động viên những người có năng lực, có tâm huyết vì sự phát triển của công ty;
- Cải thiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, cơ chế khoán nhằm khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả, giảm tỷ lệ thất thoát.

4.6 Nhóm giải pháp về quản trị doanh nghiệp

- Việc chuyển đổi Công ty từ loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty cổ phần sẽ có những thay đổi nhất định trong tổ chức và điều hành hoạt động của Công ty. Ngay sau khi được chuyển đổi thành công ty cổ phần, Công ty sẽ triển khai xây dựng hệ thống các Quy chế quản lý nội bộ làm công cụ và cơ sở pháp lý nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành và tính chuyên nghiệp của Công ty. Công ty sẽ tiến hành xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế thuộc các lĩnh vực:
 - o Quản lý và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - o Quan hệ nội bộ Công ty;
 - o Quản lý tuyển dụng, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực.
- Việc xây dựng và hoàn thiện các Quy chế quản lý nội bộ giúp Công ty có được một hệ thống hoàn chỉnh các văn bản quy định về tổ chức, hoạt động, chế độ, chính sách tạo hành lang pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty. Các Quy chế cũng là cơ sở để xem xét trách nhiệm của các đơn vị và cá nhân trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được Công ty giao và giúp cho hoạt động quản lý, điều hành được nhịp nhàng và thông suốt.
- Việc tổ chức lại các phòng, ban đảm bảo phù hợp giữa chức năng, lĩnh vực quản lý và bộ phận quản lý sao cho tất cả các chức năng và lĩnh vực quản lý đều có phòng ban, nhân viên phụ trách và mỗi một phòng ban, nhân viên đều có công việc phụ trách. Việc tổ chức lại bộ máy giúp việc được thực hiện theo hướng sau:
 - o Nghiên cứu làm tinh gọn bộ máy, giảm được các mối quan hệ công tác, đồng thời tiết kiệm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả công tác quản lý;
 - o Nghiên cứu thành lập Bộ phận kiểm soát nội bộ để thực hiện chức năng giúp lãnh đạo Công ty quản lý hữu hiệu và hiệu quả hơn các nguồn lực góp phần hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh, đồng thời giúp xây dựng một nền tảng quản lý vững chắc phục vụ cho quá trình mở rộng sản xuất và phát triển của Công ty.

PHẦN III: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP LAO ĐỘNG

Phương án sắp xếp lao động chi tiết được đính kèm theo phương án.

PHẦN IV: DỰ THẢO ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN

Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần theo các quy định của Luật Doanh nghiệp 2005 và các văn bản pháp luật hiện hành. Dự thảo Điều lệ công ty cổ phần được đính kèm theo phương án.

(file đính kèm)

PHẦN V: TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐƯỢC DUYỆT

Sau khi phương án cổ phần hóa của Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản được phê duyệt và có quyết định chuyển thành công ty cổ phần, Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản sẽ triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

Bảng 24: Lộ trình tổ chức thực hiện phương án cổ phần hóa

TT	Nội dung công việc	Thời gian dự kiến (T: ngày)
1	Nhận quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa	T
3	Tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra bên ngoài	T+30
4	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ưu đãi cho CBCNV	T+31 đến T+55
5	Báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa kết quả bán cổ phần	T+60
6	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thành lập thông qua điều lệ, bầu Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	T+90
7	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc	T+100
8	Thực hiện thủ tục đăng ký kinh doanh, xin cấp con dấu mới, tiến hành in sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	T+110
9	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn, sổ sách cho công ty cổ phần	T+140
10	Tổ chức lễ ra mắt công ty cổ phần và công bố thông tin theo quy định	T+150

Ghi chú: Thời gian thực hiện thực tế có thể thay đổi tùy theo tình hình triển khai thực tế và thời gian chờ quyết định phê duyệt của các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền (T = ngày).

PHẦN VI: NHỮNG KHÓ KHĂN CỦA PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Khó khăn của đợt chào bán

Dự báo thị trường chứng khoán còn rất khó khăn trong khi ngành nghề hoạt động của Công ty không hấp dẫn nhà đầu tư. Do vậy, rủi ro của đợt phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng của Công ty khá lớn. Trường hợp, cuộc bán đấu giá cổ phần ra công chúng không thành công, Công ty sẽ xin điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ, chờ thời điểm thích hợp báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục chào bán cổ phần.

2. Khó khăn do cơ chế, chính sách chuyển đổi doanh nghiệp

Sau khi cổ phần hoá, một phần vốn Nhà nước phải nộp lại ngân sách nhà nước nên thiếu vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong khi đó việc vay vốn khó khăn do không có tài sản thế chấp.

PHẦN VII: RỦI RO DỰ KIẾN

1. Rủi ro về kinh tế

Trong kinh tế thị trường, Công ty cũng chịu tác động bởi những rủi ro mà các doanh nghiệp trong toàn bộ nền kinh tế phải đối mặt như sự biến động của kinh tế thế giới, sự ảnh hưởng của lạm phát nền kinh tế quốc dân. Trong những năm vừa qua, kinh tế Việt Nam đã phải đối mặt với nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty cũng đã bị ảnh hưởng rất lớn. Hiện nay, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước đã có những dấu hiệu tích cực, tuy nhiên, tình hình khó khăn chung cũng còn ảnh hưởng đến Công ty trong giai đoạn đầu khi chuyển sang công ty cổ phần.

2. Rủi ro pháp lý

- Tính ổn định và thống nhất của hệ thống luật pháp sẽ tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Sự thay đổi này có thể mang đến thuận lợi hay bất lợi cho hoạt động của Công ty;
- Về hình thức pháp lý và tổ chức quản lý doanh nghiệp: Công ty là doanh nghiệp nhà nước chuyển sang loại hình công ty cổ phần. Do đó, Công ty sẽ gặp một số trở ngại nhất định từ việc chuyển đổi này. Trong quá trình hoạt động, Công ty sẽ tiếp tục cập nhật và điều chỉnh để có sự thích nghi tốt nhất với sự thay đổi của môi trường pháp lý.

3. Rủi ro đặc thù của ngành

Công ty hoạt động trong lĩnh vực chế biến dăm mảnh, nguồn nguyên liệu đầu vào là gỗ vụn, cành cây, thân cây. Tuy nhiên hiện nay, nguồn nguyên liệu này dần khan hiếm, ảnh hưởng đến quá trình sản xuất của Công ty.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty.

PHẦN VIII: KIẾN NGHỊ VÀ KẾT LUẬN

Trường hợp không bán hết số lượng cổ phần theo phương thức bán đấu giá và cả theo phương thức thỏa thuận trực tiếp theo cơ cấu vốn điều lệ trong Phương án đã được duyệt, Công ty đề nghị Tổng công ty Giấy Việt Nam cho phép Công ty dùng phần vốn Nhà nước còn lại tại doanh nghiệp để điều chỉnh quy mô và cơ cấu vốn điều lệ trước khi Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần đầu. Sau khi chuyển sang công ty cổ phần, căn cứ tình hình cụ thể, Công ty sẽ lập phương án báo cáo cấp có thẩm quyền tiếp tục bán bớt phần vốn Nhà nước theo lộ trình và thời gian phù hợp với điều kiện hoạt động thực tế của Công ty nhằm giảm bớt tỷ lệ phần vốn Nhà nước trong công ty cổ phần theo Phương án cổ phần hóa đã được duyệt và phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh tại từng thời điểm nhất định.

Thực hiện cổ phần hóa Công ty Vận tải và Chế biến Lâm sản là phù hợp với chủ trương của Nhà nước và cần thiết để huy động vốn, mở rộng quy mô hoạt động của doanh nghiệp cũng như nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vì vậy, kính đề nghị Bộ Công thương, Tổng Công ty Giấy Việt Nam xem xét và phê duyệt phương án cổ phần hóa để Công ty triển khai thực hiện các bước cổ phần hóa tiếp theo đúng quy định của Nhà nước.

Phú Thọ, ngày ___ tháng ___ năm 2014

**BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM**
(Đã ký)

CÔNG TY VẬN TẢI VÀ CHẾ BIẾN LÂM SẢN
GIÁM ĐỐC
(Đã ký)